

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: SƯ PHẠM LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

NGÀNH ĐÀO TẠO THÍ ĐIỂM

*(Ban hành theo Quyết định số 66 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 09 tháng 01 năm 2020
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Sư phạm Lịch sử và Địa lí
 - + Tiếng Anh: History and Geography Education
- Ngành đào tạo thí điểm
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in History and Geography Education
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình trang bị cho người học các kiến thức cơ bản, cốt lõi về khoa học Lịch sử và Địa lí, khoa học giáo dục, có năng lực sư phạm và các kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo hiện nay ở nước ta; đồng thời có đủ kiến thức và năng lực học tiếp lên các bậc cao hơn và có khả năng tự học để hoàn thiện, nâng cao năng lực chuyên môn trong công việc. Sau khi tốt nghiệp, người học có thể tham gia đào tạo môn Lịch sử và Địa lí theo như khung chương trình đào tạo quốc gia mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời có thể đảm nhiệm các công việc nghiên cứu trong các cơ quan nghiên cứu về khoa học xã hội, khoa học giáo dục.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí, người học có thể: ✓

- Phân tích, hệ thống và vận dụng những kiến thức về Lịch sử và Địa lí, những kỹ năng thực hành, thực tập, ngoại ngữ, tin học vào thực tế dạy học cũng như vận dụng vào công việc nghiên cứu, xây dựng các dự án giáo dục, nghiên cứu các vấn đề thuộc khoa học xã hội;
- Phát triển các phương pháp dạy học tích cực, xây dựng quy trình kiểm tra – đánh giá hiệu quả học tập của học sinh, biết cân nhắc để lựa chọn và vận dụng những phương pháp và công nghệ dạy học phù hợp vào thực tiễn dạy học;
- Phát triển kỹ năng phân tích các kiến thức về môi trường học đường, về các đặc điểm tâm sinh lý của học sinh, các hoạt động xã hội, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo để đề xuất được các biện pháp và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện của nhà trường;
- Có khả năng phân tích chương trình giáo dục và quy trình, định hướng phát triển của chương trình giáo dục để vận dụng vào việc xây dựng, phát triển chương trình giáo dục của nhà trường và địa phương cũng như chương trình học phần.

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí (tích hợp), người học có các kỹ năng khác:

- Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu;
- Có kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề;
- Có kỹ năng hợp tác, làm việc theo nhóm;
- Có kỹ năng giao tiếp (bằng ngôn ngữ, trong đó có ngoại ngữ);
- Có kỹ năng thiết lập các mối quan hệ cộng đồng.

3. Thông tin tuyển sinh

Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và theo Đề án tuyển sinh được phê duyệt hàng năm.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức và năng lực chuyên môn

1.1. Về kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các hoạt động giáo dục trong nhà trường; tích luỹ được kiến thức nền tảng về giáo dục và đào tạo để

phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức chuyên môn, làm chủ kiến thức tất cả các học phần; biết vận dụng hiệu quả kiến thức vào dạy học môn Lịch sử và Địa lí bậc THCS, đồng thời phục vụ cuộc sống và tự học suốt đời; biết vận dụng các phương pháp dạy học tích cực để tổ chức các hoạt động học tập của học sinh theo định hướng lấy học sinh làm trung tâm, có kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo; và có các kiến thức cụ thể theo các nhóm như sau:

1.1.1. Khối kiến thức chung

- Vận dụng được các kiến thức về nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để có được nhận thức và hành động đúng trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp;
- Thông hiểu những nội dung cơ bản của đường lối đấu tranh cách mạng, các bài học về lí luận và thực tiễn của Đảng Cộng sản Việt Nam để có nhận thức và hành động đúng trong thực tiễn công tác giáo dục và đào tạo Việt Nam;
- Đánh giá và phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức hành động phù hợp để bảo vệ Tổ quốc;
- Cập nhật được các thành tựu mới của công nghệ thông tin trong nghề nghiệp, sử dụng được các phương tiện công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu khoa học và công tác trong giáo dục ở bậc THCS;
- Giao tiếp ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam;
- Vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản về thể dục thể thao vào quá trình tập luyện, tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần của cá nhân và cộng đồng.

1.1.2. Khối kiến thức theo lĩnh vực

- Có kiến thức cơ bản về khoa học tâm lí học nói chung tâm lí học nhà trường nói riêng và có khả năng vận dụng kiến thức đó vào trong nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình dạy học và giáo dục. Xác định và làm tốt vai trò của mình trong việc tư vấn học đường, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh dân chủ, phòng, chống bạo lực học đường; 

- Xây dựng được quy trình kiểm tra đánh giá học tập của học sinh từ khâu xác định mục đích, mục tiêu đến việc tổ chức kiểm tra, đánh giá;
- Đề xuất được các biện pháp và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện của nhà trường; Phân tích và vận dụng được các quan điểm lãnh đạo, chính sách về giáo dục của Đảng và Nhà nước và vai trò, trách nhiệm, quyền hạn, đạo đức của người giáo viên được quy định trong Luật Giáo dục;
- Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa dạy và học để lựa chọn được phương pháp và công nghệ dạy học phù hợp trong quá trình triển khai;
- Xây dựng được quy trình, cách thức và kế hoạch triển khai nghiên cứu khoa học, từ khâu đặt đề bài đến nội dung vấn đề cần nghiên cứu, xác định được phương pháp và công cụ nghiên cứu phù hợp, cách phân tích số liệu hay kết quả nghiên cứu, trình bày được kết quả của công trình nghiên cứu.

1.1.3. Khối kiến thức theo khối ngành

- Nhận biết các quy tắc đạo đức nghề nghiệp và chuẩn nhà giáo;
- Phân tích được những nội dung đặc trưng mang tính bản chất của quá trình dạy học;
- Phân tích được các thành tố cấu thành của chương trình giáo dục, vận dụng vào việc phát triển chương trình giáo dục nhà trường và địa phương cũng như chương trình học phần.

1.1.4. Khối kiến thức theo nhóm ngành

- Thông hiểu kiến thức cơ bản, có hệ thống về Lịch sử, Địa lí phổ thông; Trên cơ sở đó hình thành, phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội cho người học;
- Thông hiểu kiến thức cơ bản, có hệ thống kiến thức nâng cao về chuyên ngành Lịch sử, Địa lí dành cho bậc phổ thông và đại học. Đồng thời có kiến thức tích hợp liên môn Khoa học xã hội nhằm giải quyết các vấn đề trong thực tiễn phù hợp với bậc học THCS.

1.1.5. Khối kiến thức ngành

- Hệ thống được các kiến thức cơ bản, kiến thức thực tế thuộc chuyên ngành Lịch sử, Địa lí; chuyên sâu trong một số lĩnh vực phục vụ cho nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử và Địa lí ở bậc THCS. Có khả năng phát triển nghiệp vụ chuyên ngành theo khả năng và lựa chọn cá nhân.

- Thông hiểu và vận dụng linh hoạt và hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học các môn Lịch sử và Địa lí đáp ứng yêu cầu đổi mới theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh phù hợp với điều kiện thực tế; Xác định được các nội dung kiến thức bổ trợ cho nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử và Địa lí bậc THCS.

- Triển khai các phương pháp dạy học tích cực và phù hợp với các chủ đề dạy học tích hợp liên môn Lịch sử và Địa lí; lựa chọn, đánh giá tính hiệu quả của các phương pháp dạy học tích cực và kết cấu nội dung các chủ đề dạy học tích hợp; đáp ứng sự phát triển của giáo dục trong hiện tại và tương lai.

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng chuyên môn

2.1.1. Các kĩ năng nghề nghiệp

- Có kĩ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kĩ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực dấn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

- Sử dụng các thông tin xử lí được từ việc phân tích chương trình và nội dung học phần, tìm hiểu người học, môi trường để xác định được hệ thống mục tiêu kiến thức, kĩ năng, thái độ và các mục tiêu khác cần đạt được sau bài học; Phát triển được chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với đối tượng học sinh, nhà trường, địa phương;

- Sử dụng các hình thức và phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí phù hợp với khả năng và sở trường của bản thân, đối tượng và mục tiêu dạy học trong kế hoạch dạy học; nhận diện và lựa chọn được phương án xử lí tốt các tình huống sư phạm nảy sinh trong quá trình dạy học;

- Khai thác và sử dụng được các phương tiện công nghệ hiện đại trong dạy học Lịch sử và Địa lí; Sử dụng được các phần mềm, Internet trong dạy học và quản lí học sinh; 

- Xây dựng và thực hiện được quy trình kiểm tra – đánh giá học tập của học sinh và các điều kiện cần thiết để triển khai quy trình một cách hiệu quả;

- Khai thác và sử dụng các thông tin đánh giá kết quả học tập của người học, lưu trữ để hỗ trợ và theo dõi sự tiến bộ của người học, từ đó điều chỉnh và cải tiến chất lượng dạy học;

- Xây dựng và triển khai được hồ sơ học phần, kế hoạch công tác dạy học, giáo viên chủ nhiệm, giáo dục, quản lý học sinh cho năm học, học kì, từng tháng và tuần; xây dựng và tổ chức được các kế hoạch triển khai hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phù hợp với mục tiêu giáo dục;

2.1.2. Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Phát hiện và giải quyết được vấn đề liên quan đến các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học môn Lịch sử và Địa lí ở bậc THCS;

- Tư duy phản biện, phê phán và đề xuất được các giải pháp giải quyết các vấn đề nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học môn Lịch sử và Địa lí ở bậc THCS.

2.1.3. Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Vận dụng các kiến thức về khoa học giáo dục, lập kế hoạch và triển khai nghiên cứu một vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục;

- Phát hiện và giải quyết được các tình huống điển hình trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí; một số vấn đề phát triển tư duy thông qua việc dạy học môn Lịch sử và Địa lí.

2.1.4. Kỹ năng tư duy theo hệ thống

- Vận dụng các nguyên lí cơ bản của tư duy logic như: phân tích, tổng hợp, khái quát, trừu tượng hóa, mô hình hóa, quy nạp, suy diễn...

2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

- Nhận biết và phân tích tình hình trong và ngoài nhà trường về văn hóa, chiến lược phát triển đơn vị, mục tiêu, kế hoạch của đơn vị, quan hệ giữa đơn vị với ngành nghề đào tạo, làm việc thành công trong đơn vị.

2.2. Kỹ năng hỗ trợ

2.2.1. Các kỹ năng cá nhân

- Quản lí thời gian và tự chủ, thích ứng với sự phức tạp của thực tế, hiểu biết văn hóa, hiểu và phân tích kiến thức, kỹ năng của một cá nhân khác để học tập suốt đời.

2.2.2. Làm việc theo nhóm

- Hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và kĩ năng làm việc với các nhóm khác nhau.

2.2.3. Quản lí và lãnh đạo

- Tổ chức, điều khiển, phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể, phát triển và duy trì quan hệ với các đồng nghiệp; khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định những vấn đề liên quan đến giáo dục.

2.2.4. Kĩ năng giao tiếp

- Giao tiếp với học sinh, phụ huynh học sinh và đồng nghiệp theo các yêu cầu về giao tiếp sư phạm.

2.2.5. Kĩ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

- Kĩ năng ngoại ngữ chuyên ngành: Có kĩ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

3. Phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Sẵn sàng đương đầu với khó khăn;
- Kiên trì, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê sáng tạo;
- Cảm thông, chia sẻ với đồng nghiệp;
- Chính trực, tự tin, linh hoạt, phản biện, sáng tạo.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Trung thực trong nghiên cứu khoa học, tác phong làm việc chuyên nghiệp, chủ động, độc lập;
- Say mê với nghề nghiệp, tôn trọng người học, công bằng đối xử trong dạy học, trong quan hệ với học sinh, đồng nghiệp, minh bạch công bằng trong đánh giá học sinh, đánh giá đồng nghiệp, tự rèn luyện tạo phong cách nhà giáo mẫu mực; ảnh hưởng tốt đến học sinh.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Tuân thủ pháp luật và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước;
- Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; ✓

- Giữ gìn và quảng bá hình ảnh của người giáo viên, nhân viên của nhà trường trong lĩnh vực giáo dục;

- Có ý thức trách nhiệm cộng đồng, tham gia vào các hoạt động xã hội phục vụ cộng đồng và xã hội trong lĩnh vực giáo dục.

* Ngoài các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ, sinh viên cần phải đạt được những “Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông” do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành như sau:

- Tuân thủ các quy định và rèn luyện về đạo đức nhà giáo; chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng nghiệp trong rèn luyện đạo đức và tạo dựng phong cách nhà giáo;

- Vững chuyên môn và thành thạo nghiệp vụ; thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục;

- Thực hiện xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh dân chủ, phòng, chống bạo lực học đường;

- Tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong dạy học, giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh;

- Sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng các thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục.

4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Vận dụng sáng tạo, phù hợp các hình thức, phương pháp và lựa chọn nội dung học tập, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân; Có năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo;

- Khả năng tự định hướng, làm việc cộng tác và độc lập, thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp;

- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn;

5. Những vị trí công tác sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên sau tốt nghiệp có thể làm giáo viên trong các trường THCS, phù hợp tốt hơn đối với:

+ Các trường THCS quốc tế;

+ Các trường THCS công lập hoặc tư thục; ✓

- + Các trường THCS hoặc cơ sở giáo dục tiểu học có yếu tố nước ngoài.
- Sinh viên sau tốt nghiệp còn có thể làm cán bộ, chuyên viên trong các cơ quan quản lý giáo dục; tiếp tục học tập nâng cao và bồi dưỡng để làm các cán bộ nghiên cứu trong các viện nghiên cứu, các cơ quan khoa học của các tỉnh, thành phố, quận, huyện, các tổ chức theo hướng phát triển khoa học xã hội, các cơ quan trong các lĩnh vực gần khác như: báo chí, du lịch, văn hóa hoặc cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng có liên quan đến giáo dục ở bậc THCS.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể học nâng cao trình độ ở bậc đào tạo sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) các ngành, chuyên ngành phù hợp.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	139 tín chỉ
(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh)	
- Khối kiến thức chung:	16 tín chỉ
(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh)	
- Khối kiến thức theo lĩnh vực:	22 tín chỉ
- Khối kiến thức theo khối ngành:	14 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	08 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	06/12 tín chỉ
- Khối kiến thức theo nhóm ngành:	57 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	51 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	06/16 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành:	30 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	12 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	04/08 tín chỉ
+ Kiến thức thực tập và tốt nghiệp:	14 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phản tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh)		16				
1	PHI1006	Triết học Mác – Lê nin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	30	15	0	
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin <i>Marx-Lenin Political Economy</i>	2	20	10	0	PHI1006
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	30	0	0	
4	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	20	10	0	
5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2	20	10	0	
6		Ngoại ngữ B1 <i>Foreign Language B1</i>	5				
	FLF1107	Tiếng Anh B1 <i>English B1</i>	5	20	35	20	
	FLF1307	Tiếng Pháp B1 <i>French B1</i>	5	20	35	20	
	FLF1407	Tiếng Trung B1 <i>Chinese B1</i>	5	20	35	20	
7		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
8		Giáo dục quốc phòng – an ninh <i>National Defense Education</i>	8				
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		22				
9	EDT2001	Nhập môn Công nghệ giáo dục <i>Introduction of Educational Technology</i>	2	20	10	0	
10	EDT2002	Ứng dụng ICT trong giáo dục <i>Apply ICT in education</i>	3	20	23	2	EDT2001
11	PSE2008	Tâm lí học giáo dục <i>Education Psychology</i>	4	30	30	0	
12	PSE2009	Nhập môn Khoa học giáo dục <i>Introduction to Education Science</i>	3	35	10	0	
13	PSE2004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục <i>Research Methodology in Education</i>	3	26	16	3	

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
14	EDM2013	Nhập môn khoa học quản lí trong giáo dục <i>Introduction to management science in education</i>	2	24	6	0	
15	EAM3002	Nhập môn thống kê ứng dụng trong giáo dục <i>Introduction of applied statistics in education</i>	3	26	16	3	
16	EDM2052	Nhập môn đo lường và đánh giá trong giáo dục <i>Introduction to measurement and evaluation in education</i>	2	24	6	0	
III	Khối kiến thức theo khối ngành		14				
III.1	Các học phần bắt buộc		08				
17	TMT3008	Quy tắc Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục <i>Code of professional ethics in the field of education</i>	2	12	18	0	
18	TMT3009	Lí luận dạy học <i>Teaching Theories and Instruction</i>	3	24	21	0	PSE2008 PSE2009
19	EDM2002	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và đào tạo <i>Administrative Management and Management of Education</i>	3	36	6	3	
III.2	Các học phần tự chọn		06/12				
20	PSE2003	Thực hành sư phạm và phát triển kỹ năng cá nhân, xã hội <i>Pedagogical Practices and the Development of Social and Personal Skills</i>	3	17	25	3	
21	PSE2006	Tư vấn tâm lí học đường <i>Psychological Counseling in Schools</i>	3	17	25	3	PSE2008 PSE2009
22	EDM2001	Phát triển chương trình giáo dục <i>School Education Curriculum Development</i>	3	36	6	3	
23	TMT1003	Phương pháp và thực hành kĩ thuật dạy học hiện đại <i>Methodology and Practices of active techniques Modern Teaching</i>	3	10	25	10	

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết	
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học		
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		57					
IV.1	Các học phần bắt buộc		51					
24	LIN2033	Dẫn luận ngôn ngữ học <i>Introduction to Linguistics</i>	3	45				
25	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới <i>World civilization history</i>	3	42	3			
26	TMT4013	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam <i>Socio-economic geography of Vietnam</i>	3	25	10	10		
27	HIS2061	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại. <i>Ancient and Medieval History of Vietnam</i>	4	46	4	10		
28	HIS2019	Lịch sử Việt Nam cận đại <i>Modern History of Vietnam</i>	3	32	3	10	HIS2061	
29	HIS2104	Lịch sử Việt Nam hiện đại. <i>Contemporary History of Vietnam</i>	4	46	4	10	HIS2019	
30	HIS2064	Lịch sử Thế giới cổ - trung đại <i>Ancient and Medieval History of the World</i>	4	46	4	10		
31	HIS2006	Lịch sử Thế giới cận đại <i>Modern History of the World</i>	3	32	3	10	HIS2064	
32	HIS2065	Lịch sử Thế giới hiện đại <i>Contemporary History of the World</i>	4	46	4	10	HIS2006	
33	TMT4010	Bản đồ <i>Cartography</i>	4	30	25	5		
34	TMT4011	Địa lí tự nhiên đại cương <i>Fundamental physical geography</i>	5	50	20	5		
35	TMT4012	Địa lí kinh tế xã hội đại cương <i>Fundamental socio-economic geography</i>	3	25	10	10		
36	GEO3230	Địa lí thế giới và khu vực <i>Geography of continents</i>	4	35	10	15		
37	GEO3231	Địa lí tự nhiên Việt Nam <i>Physical Geography of Vietnam</i>	4	40	15	5		
IV.2	Các học phần tự chọn		06/16					
38	TMT2073	Biển và hải đảo Việt Nam <i>Education on Vietnam's sea and is lands</i>	2	20	10	0		
39	TMT3019	Các cuộc phát kiến địa lí <i>Geographic discoveries</i>	2	15	10	5		

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tư học	
40	TMT3043	Đô thị: Lịch sử và hiện tại <i>Urban: History and present</i>	2	20	10	0	
41	TMT3044	Châu thổ Sông Hồng và Sông Cửu Long <i>Civilization of Red River Delta and Mekong Delta</i>	2	20	10	0	
42	HIS3125	Làng xã Việt Nam trong lịch sử <i>Vietnamese Villages in History</i>	2	20	5	5	
43	HIS3018	Các tôn giáo trên thế giới <i>World Religions</i>	2	23	2	5	
44	GEO3254	Địa lí du lịch <i>Tourism Geography</i>	2	15	10	5	GEO3231
45	TMT3045	Địa phương học <i>Local studies</i>	2	10	10	10	
V Khối kiến thức ngành			30				
V.1 Các học phần bắt buộc			12				
46	TMT2060	Phương pháp dạy học liên môn (Lịch sử và Địa lí) <i>Methodology of History and Geography Teaching</i>	5	60	05	10	PSE2001 TMT3009
47	TMT3014	Thực hành dạy học liên môn (Lịch sử và Địa lí) <i>Practice of History and Geography Teaching</i>	5	05	60	10	
48	TMT4015	Ứng dụng GIS trong giảng dạy Lịch sử và Địa lí <i>GIS application in History and Geography teaching</i>	2	10	15	5	
V.2 Các học phần tự chọn			04/08				
49	TMT3018	Các dự án STEAM trong dạy học liên môn Lịch sử và Địa lí <i>STEAM projects in History and Geography Teaching</i>	2	05	20	05	
50	TMT2070	Kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực trong dạy học tích hợp Lịch sử và Địa lí <i>Competency-based Test and Assessment in Integrated History and Geography teaching</i>	2	20	5	5	
51	TMT2074	Giáo dục vì sự phát triển bền vững <i>Education for sustainable development</i>	2	10	15	5	

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tư học	
52	TMT2075	Tiếng Anh chuyên ngành Lịch sử và Địa lí <i>English for history and geography</i>	2	20	5	5	
V.3		Kiến thức thực tập và tốt nghiệp	14				
53	TMT3050	Thực tập sư phạm và rèn nghề <i>Internship and apprenticeship</i>	9	15	70	45	
54	TMT4051	Khóa luận tốt nghiệp <i>Undergraduate Thesis</i>	5	0	45	30	
Tổng cộng			139				

Ghi chú:

- Học phần Ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kì, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.